

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CXD1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671001-802 - To ã n g d ã g 1 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3575010796	35CXD1	Nguy n Qu c An	10/03/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
2	3575010822	35CXD1	Tr n L Duy An	04/07/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
3	3575010819	35CXD1	Nguy ² n Tu n Anh	24/01/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
4	3474010004	35COT1	B ã i H Gia B o	09/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
5	3574010232	35COT2	ñ ã nh Thanh B ã nh	18/03/1993				8.0	0.0		4.0	1.2	4.3	3.0	4.2	
6	3574011142	35COT1	Thái Minh Ca	03/11/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
7	3571010263	35CCĐ4	Nguy n Di p Ho ã ng Chinh	23/01/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
8	3474010009	34COT2	Mai Vĩ t Chung	05/12/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	2.0	1.4	3.4	
9	3571010505	35CCĐ5	Nguy n ã ã nh Chung	11/09/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
10	3574011110	35COT1	L ² Tr ã ng Duy	14/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	3575011229	35CXD5	Nguy n Tr ³ Di ã ng	01/05/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	5.8	4.1	5.6	
12	3571010141	35CCĐ3	Mai Thành ã t	10/10/1990				7.0	6.0		6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
13	3571011711	35CCĐ7	D ã ng H i ã ã ã ng	07/10/1993				5.0	8.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
14	3575010070	35CXD1	Phan H i ã ã ã ng	03/05/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
15	3575010704	35CLC1-DD	Tr n Cao Trung ã ã ã ng	26/06/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	3.5	2.5	4.9	
16	3571011802	35CCĐ4	Ho ã ng Tr ã ng ã c	14/10/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
17	3474010015	34COT2	Tr n ã c ã c	30/10/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
18	3575010735	35CLC1-DD	Tr n ã ã nh Hài	20/05/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	3574011374	35COT1	ñ V ã ã nh H nh	22/07/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	5.8	4.1	6.6	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CXD1 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671001-802 - To ãn ng đ ng 1 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011796	35CLC1-CD	L ^a m V ã	Hi u	08/08/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
21	3575011713	35CXD6	Tr n Thanh	Hi u	11/10/1993				5.0	0.0		2.5	0.8	6.8	4.8	5.5	
22	3575031710	35CNVL1	L ² Th Nh	H ng	15/10/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	3575010824	35CXD1	ñ @ V ã	H ng	06/09/1991				6.0	6.0		6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
24	3571011681	35CCĐ7	ñ o @ T n	H ng	24/06/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	2.5	1.8	3.4	
25	3575010048	35CXD2	L ^a m V ã	H ng	12/09/1992				4.0	7.0		5.5	1.7	3.5	2.5	4.1	
26	3571010281	35CCĐ4	Nguy n H i	H ng	07/02/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
27	3474010025	34COT2	Nguy n Nh	Khanh	09/05/1992				4.0	6.0		5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
28	3574011063	35COT1	ñ ng Minh	Khôi	04/05/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	
29	3474010030	34COT1	ñ inh C »ng	Linh	24/07/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
30	3575010119	35CXD3	Lê Chí	Linh	24/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	3475010139	34CXD2	Nguy n Minh	L i	28/10/1991				8.0	6.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
32	3575010777	35CXD1	Tr n	Lu n	12/08/1993				7.0	5.0		6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
33	3575010768	35CXD1	L ² V ã	M nh	11/12/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
34	3471010210	34CLC-CD	Huu nh Quang	Minh	11/08/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
35	3474010037	34COT2	Mai Ph c	Nam	20/06/1991				8.0	8.0		8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
36	3475010183	34CXD4	Nguy n V ã	Ninh	10/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	3475010162	34CLC-DD1	B ĩ i H u	Ngh	05/10/1990				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
38	3575010737	35CLC1-DD	Nguy n Duy	Nguyễn	22/02/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	7.3	5.1	7.4	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CXD1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671001-802 - To ã n g d ã g 1 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3475010186	34CXD5	Cao V ã Nh Phát	21/12/1991				7.0	6.0		6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
40	3571011184	35CCĐ5	L ² H ã g Phong	20/09/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	6.3	4.4	6.8	
41	3571011409	35CCĐ6	Ph m V ã Nh Phong	08/04/1991				8.0	5.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
42	3574011087	35COT1	Tr ã n Th ã i Phong	10/10/1992				7.0	5.0		6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
43	3471010252	34CLC-CD	Tr nh V ã Nh Ho ã g Phúc	14/10/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
44	3475010202	34CXD3	L ã g Duy Ph ã g	20/03/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
45	3474010055	34COT1	Phan Phú Ph ã c	12/09/1992				8.0	6.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
46	3475010206	34CLC-DD1	Phan Thanh Quang	20/08/1991				8.0	8.0		8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
47	3575010510	35CXD4	Nguy ã n Ng ã c Qu ã c	02/02/1993				5.0	8.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
48	3575010763	35CXD1	Ph m B o Qu ã c	20/02/1992				5.0	7.0		6.0	1.8	6.8	4.8	6.6	
49	3475010242	34CLC-DD1	ñ ã nh V ã Nh Tài	13/12/1992				5.0	7.0		6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
50	3475010243	34CXD4	Nguy ã n ã c Tài	21/08/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
51	3571010155	35CCĐ3	Nguy ã n C ã ng Tám	06/03/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	7.3	5.1	7.7	
52	3574011068	35COT1	L ² V ã Nh Tín	01/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
53	3474010080	34COT2	L ² V ã Nh To ã n	03/10/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	4.3	3.0	5.3	
54	3474010083	34COT1	ñ Kh ã c Tu ã n	29/05/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
55	3575011370	35CXD6	L ² V ã Nh Tu ã n	04/10/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	3.3	2.3	4.4	
56	3575010431	35CXD4	Nguy ã n C ã ng Tú	29/06/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	7.3	5.1	7.5	
57	3471010281	34CCD7	L ã g V ã Nh Thanh	14/01/1991				9.0	8.0		8.5	2.6	4.8	3.4	5.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CXD1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671001-802 - T ấ n ấ d ấ g 1 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3571010226	35CLC1-CĐ	Nguy n ấ c Thanh	12/02/1991				7.0	6.0		6.5	2.0	5.8	4.1	6.0	
59	3575010776	35CXD1	B ấ i Ng c Th ấ g	14/12/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
60	3475050031	34CNVL	Nguy n ấ »n Thi	24/01/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
61	3575010413	35CXD4	V ấ Tr i	14/02/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
62	3575010693	35CLC1-DD	V ấ Ng c Tr m	05/10/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	
63	3575031791	35CNVL1	Ph m Ng c Trung	16/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
64	3471010356	34CCD4	V ấ H u Trung	04/07/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
65	3475010340	34CLC-DD1	Nguy n Qu c Vĩ t	14/05/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
66	3575010619	35CXD5	Lê H ấ ng V ấ	19/11/1993				5.0	7.0		6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
67	3475010356	34CXD2	Tr n Trung V ấ g	10/11/1991				7.0	8.0		7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	
68	3571010235	35CCĐ2	Tr ấ g Minh V ấ g	02/12/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

T ấ g s : 68 h c sinh sinh vĩ ấ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ấ g Khoa

Gĩ ấ Vĩ ấ n B M ấ n

Gĩ ấ V ấ Khoa